

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐỒNG PHÚ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2024

Về việc: "Tranh chấp

về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thường

Ông Vũ Trung Thành

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:
Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST – HN&GD ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐ0HPT ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số H, ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Bị Đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số H, ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 và đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc

phát sinh mâu thuẫn là do bà **Lưu Thị H** và ông **Nguyễn Văn D** có tính tình không hợp nhau. Trong cuộc sống, công việc của ai người đó tự lo liệu lấy, không ai quan tâm đến ai. Cứ mỗi lần, vợ chồng ngồi lại bàn bạc công việc thì không có ý kiến thống nhất mà chỉ diễn ra cãi vã lẫn nhau, sự việc này đã diễn ra liên tục 10 năm nay. Bà **Lưu Thị H** đã mất hết lòng tin vào ông **Nguyễn Văn D**, tình cảm bà **H** dành cho ông **D** cũng thực sự hết, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người đã không đạt được, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không có ý nghĩa gì. Bà **Lưu Thị H** yêu cầu xin được ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà **Lưu Thị H** và ông **Nguyễn Văn D** có 02 con chung tên là **Nguyễn Lưu Khả D2**, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và **Nguyễn K**, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014. Bà **Lưu Thị H** có yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông **Nguyễn Văn D** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*-Bị đơn là ông **Nguyễn Văn D** không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lưu Thị H**.

1. Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử cho bà **Lưu Thị H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị giao 02 con chung tên là **Nguyễn Lưu Khả D2**, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và **Nguyễn K**, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 cho bà **Lưu Thị H** nuôi dưỡng.

Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con (Do các đương sự không có yêu cầu).

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết (Do các đương sự không có yêu cầu).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về quan hệ pháp luật: Bà **Lưu Thị H** yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng

nuôi con và tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Nguyễn Văn D cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lưu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, áp dụng các Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân:

Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013, do ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ký cấp ngày ngày 18 tháng 4 năm 2013 –BL 09). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ khi kết hôn đến nay, bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D sống không có hạnh mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D có tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà Lưu Thị H xác định tình cảm mà bà H dành cho ông Nguyễn Văn D đã thực sự hết nên có yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Văn D không có văn bản trình bày ý kiến và thể hiện sự thờ ơ với cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân đã không đạt được. Vì vậy, bà Lưu Thị H yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Doanh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D có 02 con chung tên là Nguyễn Lưu Khả D2, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 (Bản sao Giấy khai sinh số 85 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ký cấp sao ngày 29 tháng 7 năm 2022– Bút lục số 08) và Nguyễn K, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 (Bản sao Giấy khai sinh số 184 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ký cấp sao ngày 29 tháng 7 năm 2022– Bút lục số 07). Xét thấy, bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn D đều có đủ điều kiện để nuôi con, Tuy nhiên, các cháu Nguyễn Lưu Khả D2, Nguyễn K có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc các cháu D2, K có nguyện vọng được sống cùng mẹ phù hợp với yêu cầu của bà H không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp

của con trẻ. Vì vậy, bà **Võ Thị L1** có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lê Võ Ngọc B** là có căn cứ và được chấp nhận.

Bà **Lưu Thị H** không yêu cầu ông **Nguyễn Văn D** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nêu trên đối với điều luật áp dụng và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ và được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và các Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà **Lưu Thị H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 con chung tên là **Nguyễn Lưu Khả D2**, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và **Nguyễn K**, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 cho bà **Lưu Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Lưu Thị H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà **Lưu Thị H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 00100 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- CCTHADS huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quang Dũng